

Số: 935 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 2987/STC-TCĐN ngày 13/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai như sau:

I. Kế hoạch sản xuất năm 2018:

1. Tổng diện tích tưới năm 2018: 28.716,610 ha, gồm:

- Lúa, màu: 23.636,504 ha.
- Cây công nghiệp: 4.952,656 ha.
- Mía: 12 ha.
- Ao nuôi trồng thủy sản: 115,450 ha.

2. Diện tích miễn thu thủy lợi phí: 27.773,82 ha, gồm:

- Lúa, màu: 23.043,544 ha.
- Cây công nghiệp: 4.604,826 ha.
- Mía: 12 ha.
- Ao nuôi trồng thủy sản: 113,450 ha.

II. Kế hoạch tài chính năm 2018:

1. Tổng doanh thu: 34.795 triệu đồng, gồm:

- Doanh thu quản lý khai thác: 34.031 triệu đồng, trong đó:
 - + Thủy lợi phí phải thu: 6.427 triệu đồng;
 - + Thủy lợi phí được miễn: 27.604 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính và khác: 764 triệu đồng.

2. Tổng kinh phí đề nghị Trung ương cấp bù: 27.604 triệu đồng (Thủy lợi phí được miễn thu theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ).

3. Kinh phí sửa chữa thường xuyên công trình từ nguồn thủy lợi phí: 5.500 triệu đồng.

4. Kế hoạch hỗ trợ cấp bù 02 Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.834 triệu đồng (số kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ căn cứ quyết toán năm, chỉ hỗ trợ thấp hơn hoặc tối đa bằng theo số kế hoạch).

(Cụ thể có Biểu chi tiết giao kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2018 đã được UBND tỉnh giao cho đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền cho Liên Sở: Tài chính – Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Quy định khác về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì Sở Tài chính kịp thời tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định này cho phù hợp.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Võ Ngọc Thành

**Biểu 1: GIAO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2018 CHO CÔNG TY TNHH MTV
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 935 /QĐ-UBND ngày 29 /12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Tổng diện tích tưới	Ha	28.716,610	
1	Lúa, màu	Ha	23.636,504	
a	Lúa	Ha	19.323,178	
b	Màu	Ha	4.313,326	
2	Cây công nghiệp (cà phê, tiêu, chè, chanh dây, vườn ươm, cỏ công nghiệp)	Ha	4.952,656	
a	Cà phê	Ha	4.573,952	
b	Tiêu	Ha	184,290	
c	Chè	Ha	29,914	
d	Chanh dây	Ha	15,000	
e	Vườn ươm	Ha	7,500	
f	Cỏ công nghiệp	Ha	142,000	
3	Tưới động lực hỗ trợ cây mía	Ha	12,000	
4	Ao nuôi trồng thủy sản	Ha	115,450	
II	Diện tích miễn thủy lợi phí	Ha	27.773,820	
1	Lúa, màu	Ha	23.043,544	
a	Lúa	Ha	18.750,218	
b	Màu	Ha	4.293,326	
2	Cây công nghiệp	Ha	4.604,826	
a	Cà phê	Ha	4.390,622	
b	Hồ tiêu	Ha	184,290	
c	Chè	Ha	29,914	
3	Tưới động lực hỗ trợ cây mía	Ha	12,000	
4	Ao nuôi trồng thủy sản	Ha	113,450	
III	Diện tích phải thu thủy lợi phí	Ha	942,790	

Biểu 2: DIỆN TÍCH TƯỚI THEO BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 935/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

1. Diện tích miễn thu thủy lợi phí:

STT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng	27.773,820		27.604.007.592
1	Cấp nước cây cà phê	4.390,622	912.000	4.004.247.264
2	Cấp nước cây tiêu	184,290	912.000	168.072.480
3	Cấp nước cây chè	29,914	912.000	27.281.112
4	Lúa bằng trọng lực kết hợp động lực (bơm)	112,400	1.385.000	155.674.000
5	Lúa bằng trọng lực	18.582,258	1.140.000	21.183.774.120
6	Màu trọng lực	3.527,326	456.000	1.608.460.656
7	Lúa tạo nguồn	55,560	456.000	25.335.360
8	Màu tạo nguồn	766,000	182.400	139.718.400
9	Tưới bằng động lực cây mía	12,000	651.600	7.819.200
10	Cấp nước ao nuôi trồng thủy sản	113,450	2.500.000	283.625.000

2. Diện tích phải thu thủy lợi phí:

STT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng	942,790		587.138.720
1	Tạo nguồn lúa bằng trọng lực thu thủy lợi phí	572,960	456.000	261.269.760
2	Cấp nước tưới cây cà phê thu thủy lợi phí	183,330	912.000	167.196.960
3	Cấp nước tưới chanh dây thu thủy lợi phí	15,000	912.000	13.680.000
4	Cấp nước tưới vườn ươm thu thủy lợi phí	7,500	912.000	6.840.000
5	Cấp nước tưới ao nuôi thủy sản thu thủy lợi phí	2,000	2.500.000	5.000.000
6	Tạo nguồn tưới màu thu thủy lợi phí	20,000	182.400	3.648.000
7	Cấp nước tưới cỏ công nghiệp	142,000	912.000	129.504.000

**Biểu 3: GIAO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018 CHO CÔNG TY TNHH MTV
Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai**

(Ban hành theo Quyết định số: 935/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
I	Tổng doanh thu	34.795	
1	Doanh thu quản lý khai thác	34.031	
a	Doanh thu phải thu	6.427	
b	Doanh thu từ Thủy lợi phí được miễn	27.604	Miễn thủy lợi phí theo Điểm 4, Điều 19 của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP
2	Doanh thu hoạt động tài chính và khác	764	
II	Tổng kinh phí đề nghị Trung ương cấp bù	27.604	Theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP
III	Sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn thủy lợi phí	5.500	Theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP
IV	Hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.834	Theo Quy định tại Điểm đ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP

